

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10-01-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Toàn, bà Phạm Thị Liễu

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 549/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

- *Bị đơn:* Anh **Vũ Xuân C**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ 6, Ấp 1, xã Ph, huyện T1, tỉnh Đồng Nai.

(nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh Vũ Xuân C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 18-7-2007 tại UBND xã Ph, huyện T1, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống tại địa phương và hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh C không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn chăm lo cho gia đình, không tôn trọng lẫn nhau dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Cả hai cùng nhau hòa giải nhiều lần nhưng không có thể giải quyết được mâu thuẫn. Hiện nay vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Nay chị T nhận thấy hôn nhân lâm vào tình trạng

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh C.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Xuân TH, sinh ngày 29-01-2008. Hiện nay cháu TH đang được chị T chăm sóc nuôi dưỡng, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu TH và không yêu cầu anh C cấp dưỡng.

- Về tài sản: Chị T trình bày tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh C không đến Tòa án tham gia tố tụng, khi Tòa án đến trực tiếp tại địa phương thì không gặp được, nên không thu thập được lời khai của bị đơn.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Về hôn nhân: Cho chị T được ly hôn với anh C. Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tạm thời anh C chưa phải cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, nợ chung đề nghị sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có tranh chấp. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn anh Vũ Xuân C có nơi cư trú tại xã Ph, huyện T1 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Bùi Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh C, tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định tư cách đương sự chị T là nguyên đơn và anh C là bị đơn, quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện T1 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 18-7-2007. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét lời khai của chị T và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Chị T trình bày chị và anh C có xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, anh C không có trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng đã không còn tình cảm, yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Bản thân anh C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến chị T, không có thiện chí đoàn tụ gia đình.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về tình trạng hôn nhân tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác cũng thể hiện phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, chị T và anh C đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để chị T và anh C sớm có điều kiện ổn định cuộc sống của mình, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh C.

- Về nuôi con: Chị T và anh C có 01 người con chung là Vũ Xuân TH, sinh ngày 29-01-2008. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu TH và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác thể hiện: Từ sau khi xảy ra mâu thuẫn, con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời cháu TH có nguyện vọng mong muốn được ở với chị T, bản thân chị T có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và nghề nghiệp thu nhập ổn định đủ khả năng nuôi dưỡng con chung. Anh C biết chị T yêu cầu ly hôn và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn nhưng anh C không có mặt tại Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến của anh C đối với yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Từ các căn cứ trên, để đảm bảo quyền lợi cho cháu TH tránh sự xáo trộn đời sống tâm lý, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu TH cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tạm thời anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Chị T trình bày không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh C không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung, nợ chung và không có yêu cầu phản tố. Vì vậy, Hội đồng xét xử tách phần tài sản ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 11, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T.

- Về hôn nhân: Cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Vũ Xuân C.

- Về nuôi con: Giao cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi con chung là cháu Vũ Xuân TH, sinh ngày 29-01-2008, tạm thời anh C chưa phải cấp dưỡng cho con.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản: Phân tài sản chung và nợ chung của các đương sự sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002984 ngày 21-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú An (Số 23, ngày 18-7-2007) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Đại

